**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**KHOA KINH TẾ**

**NGUYỄN NGỌC XUYẾN**

**KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN**

**VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI DOANH NGHIỆP**

**CHUYÊN ĐỀ NGÀNH**

**Ngành : Kế toán**

**Mã số ngành : 52340301**

**Cần thơ - 2019**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**KHOA KINH TẾ**

**Nguyễn Ngọc Xuyến**

**MSSV: C2000048**

**KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN**

**VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CÔNG TY**

**CỔ PHẦN CẢNG BÌNH MINH**

**CHUYÊN ĐỀ NGÀNH**

**Ngành : Kế toán**

**Mã số ngành : 52340301**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**Ths. TRẦN QUỐC DŨNG**

**MỤC LỤC**

**CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU**

**I ĐẶT VẤN ĐỀ**

**II MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

**2.1 Mục tiêu chung**

**2.2 Mục tiêu chi tiết .**

**III PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**3.1 Phương pháp thu nhập số liệu**

**3.2 Phương pháp phân tích số liệu**

**3.3 Phương pháp hoạch toán**

**IV PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

**4.1 Đối tượng nghiên cứu**

**4.2 Thời gian nghiên cứu**

**4.3 Nội dung nghiên cứu**

**CHƯƠNG II : CƠ SỞ LÝ LUẬN**

**I MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

**II. KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ**

**2.1 Khái niệm**

**2.2 Tài khoản hạch toán**

**2.3 Nguyên tắc hạch toán**

**2.4 Sơ đồ hạch toán tài khoản 111:**

**III KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

**3.1 Khái niệm**

**3.2 Tài khoản hạch toán**

**3.3 Nguyên tắc hạch toán**

**3.4 Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng - 112**

**IV KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

**4.1 Khái niệm**

**4.2 Tài khoản hạch toán**

**4.3 Nguyên tắc hạch toán**

**4.4 Sơ đồ hạch toán các khoản phải thu – 131**

**CHƯƠNG 3:** **KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG BÌNH MINH**

**I GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG BÌNH MINH**

**1.1 Giới thiệu**

**1.2 Quá trình hình thành và phát triển công ty**

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

**II TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN**

**2.1 Tổ chức bộ máy kế toán**

**2.1.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

**2.1.3 Chức năng**

**2.2 Chế độ và chính sách áp dụng**

**2.2.1 Chế độ kế toán**

**2.2.2 Chính sách kế toán**

**2.2.3 Hình thức kế toán**

**2.3 Kế toán tiền mặt tại quỹ**

**2.4 Kế toán tiền gửi ngân hàng**

**2.5 Kế toán các khoản phải thu khách hàng**

**III NHẬN XÉT CHUNG**

**3.1 Ưu điểm**

**3.2 Nhược điểm**

**CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Đất nước ngày càng hội nhập với quốc tế, đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ nghiên cứu, nắm bắt tình hình kinh tế vĩ mô mà còn phải kết giữa việc mở rộng thị trường kinh doanh và phát triển, đổi mới cơ chế quản lý kinh doanh nhằm phù hợp với tiềm lực kinh tế của doanh nghiệp. Dù đối với bất kì loại hình doanh nghiệp có kinh doanh từ tự sản xuất cho đến thương mại thì vốn đóng vai trò rất quan trọng tác động rất mạnh mẽ đến sự phát triền lâu dài của doanh nghiệp.

Để mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp cần sử dụng vốn hiệu quả, quản lý chặt chẽ các nguồn thu chi phát sinh trong doanh nghiệp trong thời buổi những chính sách tài chính cũng như tín dụng thay đổi hiện nay.

Công tác kế toán vốn bằng tiền được đặt ở một vị trí quan trọng trong doanh nghiệp , cần được phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác giữa mối quan hệ giữa tiền và các khoản thu chi trong doanh nghiệp.

Ngoài vốn bằng tiền ra thì các khoản phải thu trong doanh nghiệp củng chiếm một phần quan trọng không kém. Nó không chỉ thể hiện các khoản nợ của khách hàng đối với doanh nghiệp, mà còn thể hiện tỷ số liên quan đến khoản phải thu như vòng luân chuyển khoản phải thu, đánh giá mức độ chiếm dụng vốn của khách hàng đối với doanh nghiệp nhằm lập ra khoản dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn.

Từ những thông tin trên giúp ta thấy được tầm quan trọng của vốn bằng tiền và các khoản phải thu đối với sự phát triển không chỉ hiện tại mà còn lâu dài của doanh nghiệp. Vì vậy, chuyên đề ngành được nghiên cứu là **“ kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh”.**

1. **MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

**2.1: Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của nghiên cứu là phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện cho công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

**2.2: Mục tiêu chi tiết**

Thực hiện khái quát tình hình hoạt động tại Công ty Cổ phần Cảng Binh Minh.

Phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Phân tích các tỷ số tài chính liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Đánh giá xuất giải pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Binh Minh.

1. **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**
   1. **: Phương pháp thu nhập số liệu**

Số liệu thu nhập từ các chứng từ ghi sổ đối chiếu với sổ cái.

* 1. **: Phương pháp phân tích số liệu**

Phương pháp so sánh số liệu với một chỉ tiêu cơ sở ( chỉ tiêu gốc).

**3.3 : Phương pháp hoạch toán**

Phương pháp hạch toán dựa trên hướng dẫn của Bộ tài chính về hạch toán nghiệp vụ vốn bằng tiền và các khoản phải thu theo thông tư 200/2014/GĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Phương pháp chứng từ kế toán: là dùng để xác định, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế cụ thể.

Phương pháp đối ứng tài khoản : là phương pháp thông tin và kiểm tra sự vận động của tài sản và nguồn vốn trong quá trình hoạt động kinh doanh thông qua qua quá trình sử dụng hệ thống tài khoản kế toán để phản ánh mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Phương pháp ghi sổ ghi kép : là phương pháp phản ánh số tiền của nghiệp vụ kinh tế , tài chính phát sinh vào tài khoản kế toán trên sổ kế toán thơ quan hệ đối ứng Nợ - Có của tài khoản tham gia trong định khoản kế toán.

Trong hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2012/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các tài khoản từ nhóm tài khoản 1 đến nhóm tài khoản 9 là các tài khoản được phép sử dụng.

1. **PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

**4.1: Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Bao gồm các khoản mục: Kế toán tiền mặt tại quỹ, Kế toán tiền gửi ngân hàng, Kế toán phải thu khách hàng.

**4.2: Thời gian nghiên cứu**

Với số liệu kết quả kinh doanh : Đề tài sử dụng số liệu năm 2016, 2017, 2018.

Với số liệu thực hiện kế toán : Đề tài thực hiện số liệu của tháng 01 năm 2019.

**4.3 : Nội dung nghiên cứu**

Thực hiện khái quát tình hình hoạt động tại Công ty Cổ phần Cảng Binh Minh.

Phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Phân tích các tỷ số tài chính liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Đánh giá xuất giải pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Binh Minh.

**CHƯƠNG II : CƠ SỞ LÝ LUẬN**

*Chế độ theo Thông tư 200/2012/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014*

1. **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

tài liệu sưu tầm : *Luận văn tốt nghiệp Đại học ngành Kế toán “ Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh “* do Bùi Thị Thảo Quyên thực hiện và cán bộ hướng dẫn là PGS. TS Bùi Văn Trịnh.

**II. KẾ TOÁN TIỀN MẶT TẠI QUỸ**

**2.1 Khái niệm**

Tiền mặt là các khoản đang có ở quỹ, có thể dùng để thanh toán ngay .

Dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ của doanh ngiệp bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ.

**2.2Tài khoản hạch toán**

* **Nội dung tài khoản hạch toán**

Chứng từ : Phiếu thu, Phiếu chi, Biên lai thu tiền, Bảng kê vàng tiền tệ, Bảng kiểm kê quỹ,…

Sổ sách: Sổ quỹ tiền mặt, sổ kiểm kê quỹ tiền mặt,…

* **Kết cấu tài khoản hạch toán**

Tài khoản 111 – Tiền mặt ( có 3 tài khoản cấp 2).

+ Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam ( Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt).

+ Tài khoản 1112 – Ngoại tệ ( Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam ).

+ Tài khoản 1113 – Vàng tiền tệ ( phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp).

**2.3 Nguyên tắc hạch toán**

* **Bên Nợ**

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo ( Trường hợp tỷ giá tăng so với đồng Việt Nam).

Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

* **Bên Có**

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu ở quỹ khi kiểm kê.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo ( Trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam).

Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

* **Số dư bên Nợ**

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

**2.4 Sơ đồ hạch toán tài khoản 111:**

TK 112

TK 111

TK 112

Gửi tiền mặt vào ngân hàng

Rút tiền gửi ngân hàng

TK 121, 128, 221, 222, 228

TK 121, 128, 221, 222, 228

Nhập quỹ

Các khoản đầu tư bằng tiền mặt

Thu hồi chứng khoán, vốn đầu tư

TK 515

TK 635

TK 141, 627, 641, 642

TK 131, 136, 138, 141, 244

Lỗ

Lãi

Chi tạm ứng và các khoản chi bằng tiền mặt

Thu hồi các khoản nơ phải thu

TK 131

Ký quỹ, ký cược

TK 211, 213, 217, 152, 153,…

Thuế GTGT đầu vaò

TK 341

Vay và nợ thuê tài chính

bằng tiền mặt

Mua vật tư, công cụ, hàng hóa, TSCĐ … bằng tiền mặt

TK 341, 331, 334, 336

Nhận trợ cấp, trợ giá từ ngân

TK 333

Thanh toán các khoản nợ

sách nhà nước bằng tiền mặt

bằng tiền mặt

Nhận ký quỹ, ký cược

TK 344

TK 244

Tk 411

Nhận vốn góp, vốn cấp

Ký quỹ, ký cược bằng tiền mặt

bằng tiền mặt

TK 511, 515, 711

TK 1381

Doanh thu, thu nhập khác

bằng tiền măt

Tiền mặt phát hiện thiếu qua kiểm kê

TK 3381

Tiền mặt phát hiện thừa

qua kiểm kê

Hình 2.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 111 – Tiền mặt

*Nguồn tổng hợp từ thông tư số 200/2014/TT-BTC*

**III. KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

**3.1 khái niệm**

Là các khoản tiền mà doanh nghiệp gửi tại ngân hàng, có thể dùng để thanh toán thông qua ngân hàng.

Tài khoản phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**3.2 Tài khoản hạch toán**

* **Nội dung tài khoản hạch toán**

Chứng từ: Giấy báo nợ, Giấy báo có, Bảng sao kê của ngân hàng,…

Sổ sách: Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ kế toán tổng hợp,…

* **Kết cấu tài khoản hạch toán**

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng ( có 3 tài khoản cấp 2)

+ Tài khoản 1121 – Tiền gửi Việt Nam ( Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng đồng Việt Nam).

+ Tài khoản 1122 – Ngoại tệ ( Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam).

+ Tài khoản 1123 – Vàng tiền tệ ( Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo).

**3.3 Nguyên tắc hạch toán**

* **Bên Nợ**

Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo ( trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam).

Chênh lệch đánh giá lại càng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

* **Bên Có**

Các khoản tiền Việt Nam , ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối cùng (Trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam).

Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

* **Số dư bên nợ**

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn gửi tại Ngân hàng vào thời điểm báo cáo.

**3.4 Sơ đồ hạch toán tiền gửi Ngân hàng - 112**

Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt

TK 111

TK 111

Gửi tiền mặt vào ngân hàng

TK 112

TK 133

Chi phí phát sinh bằng TGNH

TK 627, 641, 642, 635, 811

Doanh thu, thu nhập khác bằng TGNH

TK 511, 515, 711

Nhận vốn góp, vốn cấp bằng TGNH

TK 411, 441

Thanh toán nợ bằng TGNH

TK 341, 331, 333, 334, 336, 338

Vay ngắn hạn, vay dài hạn

TK 341

TK 133

Mua vật tư, hàng hóa, CCDC, TSCĐ,... bằng TGNH

TK 152, 153, 156, 157, 611, 211

TK 635

Lỗ

TK 511

Lãi

Thu hồi các khoản đầu tư

TK 121, 128, 221, 222, 228

Mua chứng khoán, cho vay, đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết bằng TGNH

TK 121, 128, 221

bằng TGNH

Thu hồi các khoản ký quỹ, ký cược

TK 141, 244

Chi tạm ứng, ký quỹ, ký cược bằng TGNH

TK 141, 244

Thu hồi các khoản nợ phải thu

TK 131, 136, 138

Hình 2.2: Sơ đồ hạch toán tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

*Nguồn tổng hơp từ Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

**IV. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

**4.1 khái niệm**

Các khoản khách hàng nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp phải thu lại từ khách hàng, từ các đơn vị khác.

Các khoản phải thu của doanh nghiệp bao gồm : phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác.

**4.2 tài khoản hạch toán**

* **Nội dung tài khoản hạch toán**

Chứng từ: Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường, Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo có của ngân hàng, biên bản bù trừ công nợ,…

Sổ sách: Sổ cái, Sổ chi tiết theo dõi khách hàng, …

* **Kết cấu tài khoản hạch toán**

Tài khoản 131 – phải thu khách hàng.

+ Dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm , hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

+ Phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành.

**4.3 Nguyên tắc hạch toán**

**Bên Nợ**

Số tiền phải thu khách hàng trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.

Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ ( trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam).

**Bên Có**

Số tiền khách hàng đã trả nợ.

Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước cho khách hàng.

Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.

Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại ( có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT), số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.

Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ ( trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam).

**Số dư bên Nợ**

Số tiền còn phải thu của khách hàng.

Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

**4.4 Sơ đồ hạch toán các khoản phải thu – 131**

KH thanh toán tiền hoặc ứng trước

TK 111, 112

Lãi tỷ giá khi đánh giá số dư các khoản phải thu KH có gốc ngoại tệ cuối năm

TK 413

Doanh thu hoạt động tài chính, hoạt đông khác

TK 515, 711

Chiết khấu thanh toán

Tk 635

Thuế GTGT đầu ra

TK 3331

Thuế GTGT đầu ra

TK 3331

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

TK 5211, 5212, 5213

Doanh thu bán chịu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

TK 511

TK 131

Lỗ tỷ giá khi đánh giá số dư các khoản phải thu KH có gốc ngoại tệ cuối năm

TK 413

Xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi

TK 229, 642

Thuế GTGT đầu vào

Tk 133

KH thanh toan bằng vật tư, hàng hóa

TK 152, 153, 156

Hình 2.3: sơ đồ hạch toán tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

*Nguồn tổng hợp từ Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

**CHƯƠNG 3:** **KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG BÌNH MINH**

1. **GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG BÌNH MINH**

**1.1 Giới thiệu**

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh.

Địa chỉ : Ấp Mỹ Hưng 2, Xã Mỹ Hòa, Huyện Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long.

Mã số thuế: 1500354873

Điện thoại: 2070.3752.567

Fax: 2070.3752.599

Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng .

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Tổng số cổ phần: 60.000.000 cổ phiếu .

**1.2 Quá trình hình thành và phát triển công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Cảng Bình Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 1500354873 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 05 năm 2009 và các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 23 tháng 09 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Cuối năm 2015, Công ty đầu tư xây dựng Công trình nhà máy sản xuất Vật liệu xây dựng không nung Bình Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 8106745514 vào ngày 30 tháng 11 năm 2015 với tổng mức vốn đầu tư dự án là 64.174.593.000 VNĐ. Thời gian hoạt động dự án là 41 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Từ tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức đưa nhà máy Sản xuất Vật liệu xây dựng không nung Bình Minh đi vào hoạt động với quy mô hoạt động dự án khoảng 70 triệu viên/ năm.

Ngày 27/11/2017, Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân đã chuyển nhượng 100% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh (chiếm 96,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) đang sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Nhà Bảo Linh theo hợp hồng chuyển nhượng số 23-12/HĐCNCP-HQC ngày 23/12/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/2017/PLHĐ ngày 02/01/2017.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề hiện tại công ty đang kinh doanh chính là:

+ Quy hoạch, thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng các khi dân cư, khu công nghiệp.

+ Quy hoạch dự án xây dựng, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, giao thông.

+ San lấp mặt bằng.

+ Cung cấp vật liệu xây dựng.

+ Tư vấn thiết kế, đầu tư, kỹ thuật, giám sát thi công.

+ Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình giải trí cao cấp.

+ Lập dự án đầu tư, quy hoạch, xây dựng khu dân cư.

­+ Dịch vụ vận tải đường bộ, đường song, cho thuê kho bãi.

+ Hoạt động xây dựng các công trình giao thông công cộng.

1. **TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN**

**2.1 Tổ chức bộ máy kế toán**

**2.1.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

Kế toán trưởng

Kế toán tổng hợp

Thủ kho

Thủ quỹ

Kế toán thanh toán

Hình 3.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

*Nguồn phòng kế toán tài vụ Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh*

**2.1.2 Chức năng**

**Kế toán trưởng**

Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty.

Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc Công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán.

Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty.

Lập báo cáo tài chính.

**Kế toán tổng hợp**

Trợ lí của kế toán trưởng, có nhiệm vụ tổng hợp các số liệu kế toán, lập báo cáo, quyết toán theo định kỳ về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để báo cáo cho Kế toán trưởng.

Ngoài ra, được quyền ký thác vào một số chứng từ khi kế toán vắng mặt.

**Kế toán thanh toán**

Thực hiện việc kiểm tra các chứng từ thanh toán và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thanh toán và tiến hành lập chứng từ thanh toán.

**Thủ kho**

Kiểm tra số lượng, chủng loại hàng hóa nhập kho theo chứng từ.

Nhập hàng hóa vào kho, sắp xếp đúng nơi quy định, cập nhật thẻ kho, lập hồ sơ, lưu hồ sơ và bảo quản.

Lập báo cáo nhập, xuất, tồn cho Phòng kế toán, Phòng kế hoạch.

Xuất nguyên liệu theo phiếu xuất kho.

**Thủ quỹ**

Thực hiện việc thu, chi tiền (nhận tiền, gửi tiền) theo chứng từ của doanh nghiệp. Quản lí quỹ tiền mặt, cấp phát lương cho công nhân viên, đối chiếu quỹ với sổ quỹ và lập báo cáo quỹ định kỳ.

**2.2 Chế độ và chính sách áp dụng**

**2.2.1 Chế độ kế toán**

Công ty thực hiện các quy định về kế toán, Luật kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014.

**2.2.2 Chính sách kế toán**

Niên độ kế toánbắt đầu từ ngày 01 tháng 01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ).

Phương pháp kế toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho là phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp tính thuế GTGT là Phương pháp khấu trừ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ là phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp trực tiếp.

**2.2.3 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán : nhật ký – sổ cái.

**2.3 Kế toán tiền mặt tại quỹ**

**Mô tả công tác kế toán tiền mặt tại quỹ**

Hàng ngày, khi có phát sinh thu tiền kế toán thanh toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan, kế toán kiểm tra, nhập số liệu vào máy và in ra phiếu thu tiền. Phiếu thu gồm ba liên : liên số một giao cho thủ quỹ để thu tiền, liên hai giao cho người nộp, liên 3 lưu lại nơi lập phiếu.

Kế toán thanh toán chuyển phiếu thu và chứng từ kèm theo cho giám đốc và kế toán trưởng kiểm tra, xoát xét và ký duyệt. Kế toán thanh toán căn cứ vào đó nhập số liệu vào máy.

Phần mềm máy tính tự xử lí và chuyển vào các số Nhật ký thu, Sổ cái.

Sau khi thu tiền thủ quỹ và người thu tiền cùng ký, ghi rõ họ và tên trên phiếu thu. Thủ quỹ căn cứa vào phiếu thu đã duyệt và chứng từ kèm theo ghi sổ.

**Các nghiệp vụ phát sinh**

***Nghiệp vụ 01***

Ngày 02/01/2019, rút tiền gửi Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Vĩnh Long về nhập quỹ tiền mặt, số tiền 430.000.000 đồng.

Chứng từ PT00001 ( Phụ lục 01) kèm chứng từ gốc (phụ lục 02).

Nợ TK 111: 430.000.000

Có TK 1121: 430.000.000

***Nghiệp vụ 2***

Ngày 04/01/2019 thu tiền mặt từ Lê Nguyễn Bích Phương số tiền là 3.683.000 đồng.

Chứng từ PT00002 ( Phụ lục 3) kèm 02 chứng từ gốc ( Phụ lục 04,05).

Nợ TK 111: 3.683.000

Có TK 13881: 3.683.000

***Nghiệp vụ 3***

Ngày 04/01/2019 rút tiền gửi từ Ngân hàng Vietcombank về nhập quỹ tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng.

Chứng từ PT00003 (Phụ lục 06) kèm theo 01 chứng từ gốc ( Phụ lục 07).

Nợ TK 111: 100.000.000

Có TK 1121: 100.000.000

**Kế toán tổng hợp**

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra ( phiếu thu, phiếu chi) kế toán tiến hành hoạch toán vào phần mềm, tiến hành ghi sổ nhật ký – sổ cái.

**Kế toán chi tiết**

Dựa vào các chứng từ trên ghi vào sổ kế toán chi tiết.

**2.4 Kế toán tiền gửi ngân hàng**

**Mô tả công tác kế toán**

khi phát sinh nghiệp vụ thu bằng tiền gửi ngân hàng, Ngân hàng sẽ làm thủ tục thanh toán cho khách hàng, sau đó gửi giấy báo có và giấy ủy nhiệm thu cho Công ty.

Công ty nhận được GBC và UNT kế toán tổng hợp nhập liệu vào phần mềm kế toán, sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết tiền gửi Ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán cho khách hàng,… GBC củng UNT kế toán tổng hợp lưu trữ theo ngày tháng.

Kế toán trưởng dựa vào phần mềm theo dõi, kiểm tra tài khoản tiền gửi Ngân hàng, cuối kỳ khóa sổ, in báo cáo tài chính.

**Nghiệp vụ phát sinh**

***Nghiệp vụ 1***

Ngày 04/01/2019 thanh toán tiền mua thép A11 và NX số 1 số tiền 200.000.000 đồng.

Chứng từ UNC00002 (Phụ lục 40)

Nợ tk 331: 200.000.000

Có TK 1121: 200.000.000

***Nghiệp vụ 2***

Ngày 04/01/2019 thanh toán tiền mua đá thi công hạ tầng KCN số tiền 22.797.500 đồng.

Chứng từ : UNC00003 (Phụ lục 41)

Nợ TK 331: 22.797.500

Có TK 1121: 22.797.500

***Nghiệp vụ 3***

Ngày 11/01/2019 tạm ứng quỹ dự án Trà Vinh số tiền 51.443.200 đồng.

Chứng từ UNC00014 (Phụ lục 42)

Nợ TK 141: 51.443.200

Có TK 1121: 51.443.200

**Kế toán tổng hợp**

Hàng ngày căn cứ vào số chứng từ đã kiểm tra (GBN,GBC) kế toán tiến hành hoạch toán vào phần mềm, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký- sổ cái.

**Kế toán chi tiết**

Dựa vào các nghiệp vụ trên ghi vào sổ kế toán chi tiết.

**2.5 Kế toán các khoản phải thu khách hàng**

**Mô tả công tác kế toán**

Căn cứ vào đơn đặt hàng, bán hàng từ đó kế toán thanh toán lập hóa đơn bán hàng, hóa đơn bán hàng được lập thành 02 biên. Hóa đơn bán hàng và đơn đặt hàng được chuyển cho kế toán trưởng và thủ trưởng để kiểm tra. Sau khi kiểm tra liên 2 giao cho khách hàng, có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan, liên một và đơn đặt hàng chuyển qua cho kế toán tổng hợp để nhập liệu vào máy.

Phần mềm tính tự động xử lý và chuyển số liệu vào sổ nhật ký – sổ cái.

**Nghiệp vụ phát sinh**

***Nghiệp vụ 01***

Ngày 02/01/2019 thu tiền thi công theo HĐ 01/2017 HĐNT-HQ DA Trà Vinh số tiền 430.000.000 đồng.

Chứng từ NTTK00001 (Phụ lục 50)

Nợ TK 1121: 430.000.000

Có TK 131: 430.000.000

***Nghiệp vụ 02***

Ngày 03/01/2019 thu tiền HĐ: 197A/2018/HĐXD-HQMK số tiền 800.000.000 đồng.

Chứng từ NTKK00002 (Phụ lục 51)

Nợ TK 1121: 800.000.000

Có TK 131: 800.000.000

***Nghiệp vụ 03***

Ngày 03/01/2019 thu tiền bán gạch số tiền 50.000.000 đồng.

Chứng từ NTTK00003 (Phụ lục 52)

Nợ TK 1121: 50.000.000

Có TK 131: 50.000.000

**Kế toán tổng hợp**

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký- sổ cái.

**Kế toán ghi sổ chi tiết**

Dựa vào các chứng từ nghiệp vụ trên ghi vào sổ kế toán chi tiết.

1. **NHẬN XÉT CHUNG**

**3.1 Ưu điểm**

***Về thực hiện chế độ kế toán***

Công ty cổ phần Cảng Bình Minh áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng quy định.

***Về hệ thống tài khoản sử dụng***

Áp dụng theo danh mục hệ thống tài khoản hệ thống kế toán doanh nghiệp ( ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ) làm chuẩn. Để đáp ứng như cầu quản lý Công ty mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 theo chi tiết của từng đối tượng giúp cho việc kiểm soát và quản lý các tài khoản và nguồn vốn một cách chặt chẽ.

***Về hình thức và sổ sách kế toán***

Công ty áp dụng phần mềm kế toán (Vietsun) xử lý theo hình thức Nhật ký – Sổ cái phù hợp với đặc điểm củng như quy mô của công ty, giảm bớt được khối lượng công việc hàng ngày.

Đối với các khoản phải thu của Công ty có thể theo dõi Sổ chi tiết cho từng đối tượng khách hàng.

Sổ sách hầu như đều được kết chuyển từ phần mềm ra Excel nên số liệu được kết xuất một cách nhanh chóng khi có yêu cầu từ ban lãnh đạo Công ty.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên dữ liệu kế toán mang tính liên tục và chính xác.

***Về trình tự luân chuyển chứng từ***

Chứng từ được lưu chuyển một cách khoa học và hợp lí, được phê duyệt đầy đủ từ các bộ phận cấp trên, mỗi một thành viên trong phòng Kế toán chịu trách nhiệm về một phần điều hành riêng, phân chia công việc một cách hợp lí, giảm thiểu được những gian lận tại các đơn vị.

***Về công tác quản lí vốn bằng tiền và cac khoản phải thu***

Tất cả các chứng từ gốc dùng để làm căn cứ lập Phiếu chi, Phiếu thu được lưu hành đầy đủ, chừng từ ghi sổ có đầy đủ chữ ký của các bên có liên quan đảm bảo đúng theo quy định về chứng từ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC .

Liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, Công ty đã lập bảng theo dõi tổng hợp công nợ và chi tiết công nợ cho từng đối tượng nợ, đảm bảo các khoản nợ được ghi nhận chính xác, đúng với từng đối tượng nên hạn chế được những sai lệch giữa các khoản nợ.

**3.2 Nhược điểm**

Cá sổ sách hầu như đều được kết xuất từ Excel, Công ty không tạo mẫu sổ để theo dõi như Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Các chứng từ Ngân hàng (GBN, GBC) Công ty không lưu lại chứng từ gốc từ Ngân hàng, mà chứng từ được lưu lại là do in ra từ phần mềm kế toán ra, điều đó sẽ gây hạn chế nếu như cần kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc về sau nếu có phát sinh.

Tiền mặt tại quỹ khá thấp, tuy đảm bảo được sự an toàn cho tài khoản, nhưng sẽ gây khó khăn khi phát sinh nghiệp vụ cần chi tiền mặt gấp.